

Số: 48/2020/QĐST-DS

P, ngày 19 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 478, Điều 715, Điều 716, Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng; Quyết định số 1627/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 39/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng; Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội: Ông Ngô

Chí Dũng– Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Chí Dũng: Ông Phạm Tuấn Anh – Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng; Đại diện theo ủy quyền của ông Tuấn Anh là ông Trần Văn Ba – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1984 và chị Nguyễn Thị Hương M, sinh năm 1982; Điều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn N, xã N1 (Xã V cũ), huyện P, Thành phố Hà Nội.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1954.
2. Bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1954.
3. Cháu Vũ Đức Minh H, sinh năm 2001.
4. Cháu Hoàng Khởi N, sinh năm 2008.
5. Cháu Hoàng Thu Q1, sinh năm 2012.
6. Cháu Hoàng Minh L, sinh năm 2017.
7. Cháu Hoàng Xuân P, sinh năm 2018.

Điều hiện đang cư trú tại: Thôn N, xã N1 (Xã V cũ), huyện P, thành phố Hà Nội (Ông T, bà T1, cháu H ủy quyền cho chị M; cháu N, cháu Q, cháu L, cháu P do chị M giám hộ).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Anh Hoàng Văn Q và chị Nguyễn Thị Hương M có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền nợ tính đến ngày 11/8/2020 theo các Hợp đồng tín dụng số 9908164 ngày 28/10/2016 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 214-P-284841 ngày 27/10/2016 và khế ước nhận nợ là: 884.598.684 đồng (*Tám trăm tám mươi tư triệu, năm trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm tám mươi bốn đồng*), trong đó:

+ Số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 9908164 ngày 28/10/2016 là : 634.104.327 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 418.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.148.636 đồng; nợ lãi quá hạn: 211.455.691 đồng.

+ Số tiền nợ theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 214-P-284841 ngày 27/10/2016 là: 250.494.357 đồng, bao gồm: nợ gốc: 99.972.968 đồng; nợ lãi: 150.521.389 đồng.

Kể từ ngày 12/8/2020, anh Q chị M còn phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng khoản tiền lãi tính trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số 9908164 ngày 28/10/2016 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 214-P-284841 ngày 27/10/2016 và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán hết dư nợ gốc.

Trường hợp anh Q chị M không thanh toán trả toàn bộ khoản nợ này, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 45 diện tích 213m² thuộc tờ bản đồ số 05 tại xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội đã được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I397109, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 623/QSDĐ/PX ngày 20/09/1996; Ngày 12/10/2016 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, chi nhánh huyện P đã đăng ký sang tên cho ông Hoàng Văn Q và vợ là bà Nguyễn Thị Hương M cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng V, thành phố Hà Nội.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Q, chị M vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

- Về án phí:

+ Ghi nhận việc anh Q chị M tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 19.268.980 đồng (*Mười chín triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn, chín trăm tám mươi đồng*).

+ Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 18.524.700 đồng (*Mười tám triệu, năm trăm hai mươi tư nghìn, bảy trăm đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005828 ngày 16/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện P;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Trí Tuyền

